

SUBJECT AND VERB AGREEMENT 2

PART I:

Khi chủ ngữ là
Khi hai chủ ngữ nối kết với nhau bằng: Either.....Or, Neither.....Nor, Or, Not only.....But also thì động từ phụ thuộc vào chủ ngữ _____. (thứ nhất/thứ hai)
Khi chủ ngữ là cấu trúc “One of ++ động từ _____” (số ít/số nhiều)
Khi chủ ngữ là: A couple + động từ _____. (số ít/số nhiều)
Khi hai chủ ngữ kết hợp với nhau cùng chỉ về một người, một vật, một ý tưởng thì động từ ở _____. (số ít/số nhiều)
There is/was + danh từ _____. (số ít/số nhiều)
Khi chủ ngữ là một cụm danh từ, thì động từ hòa hợp với chủ ngữ _____ giới từ. (năm trước/năm sau)
Khi chủ ngữ là: A number of + danh từ số nhiều + động từ _____. (số ít/số nhiều)
Động từ số ít hay số nhiều phụ thuộc vào chủ ngữ _____ những cụm từ dưới đây: as well as (cũng như), no less than (và cả), with/together with, along with (cùng với), in addition to (ngoài, ngoài ra), instead of (thay vì), (but) not, except (trừ, ngoại trừ), including (bao gồm), like/ accompanied by. (năm trước/năm sau)
There are /were + danh từ _____. (số ít/số nhiều)
Khi chủ ngữ là: “Here, There hoặc 1 cụm từ chỉ nơi chốn” thì động từ ở số ít hay số nhiều phụ thuộc danh từ _____ động từ. (năm trước/năm sau)
Khi chủ ngữ là: The number of + danh từ số nhiều + động từ _____. (số ít/số nhiều)
Cụm trạng từ chỉ nơi chốn hoặc phương hướng đứng đầu câu. (Đảo toàn bộ động từ ra trước chủ ngữ), thì động từ ở số ít hay số nhiều phụ thuộc danh từ _____ động từ. (năm trước/năm sau)

PART II:

Question 1. Bread and butter (be) _____ my favorite breakfast food.

Question 2. The number of books in the library (be) _____ large.

Question 3. Neither she nor her daughters (have) _____ arrived.

Question 4. John with I (not accept) _____ your proposals.

Question 5. One of my friends (be) _____ going to Honolulu next week.

Question 6. None of the students (have) _____ finished the exam yet.

Question 7. There (have) _____ been an increase in the importation of foreign cars.